

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT										
Stt	Mục đích sử dụng đất - Kí hiệu	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	MDX (%)	Diện tích MDX (m2)	Chiều cao công trình (m)	Diện tích sàn (m2)	Hệ số sử dụng (hà)	Số tầng	Chức năng sử dụng đất
2306 400	Ranh giới nghiên cứu									
	Điền tích nghiên cứu	84.138								
	A Giao thông đối ngoại (QL6)	131.138								Đường quốc lộ 6
	B Diện tích lập quy hoạch chi tiết	71.000	100,00						162	
	I Đất dùng công	1.120	1,58							
	1 CC	1.120		40	448	12	896	0,8		Công trình công cộng
	II Đất ở	34.160	48,11						162	
	Đất ở hiện trạng cao tốc	17.893	25,20						72	
	1 HT-01	435		80	348	16	1.044	2,4	2	Khu ở hiện trạng cao tốc
	2 HT-02	4.160		80	3.328	16	9.984	2,4	17	Khu ở hiện trạng cao tốc
3 HT-03	1.156		80	925	16	2.774	2,4	5	Khu ở hiện trạng cao tốc	
4 HT-04	1.525		80	1.220	16	3.660	2,4	6	Khu ở hiện trạng cao tốc	
5 HT-05	1.976		80	1.581	16	4.742	2,4	8	Khu ở hiện trạng cao tốc	
6 HT-06	1.897		80	1.518	16	4.552	2,4	8	Khu ở hiện trạng cao tốc	
7 HT-07	3.683		80	2.906	16	8.719	2,4	15	Khu ở hiện trạng cao tốc	
8 HT-08	3.111		80	2.489	16	7.466	2,4	12	Khu ở hiện trạng cao tốc	
Đất ở mới	16.267	22,91						90	Khu ở mới	
Đất ở hiện k	6.992	9,85						45		
1 LK - 01	3.982		80	3.186	16	9.557	2,4	26	Khu ở hiện trạng	
2 LK - 02	1.541		80	1.233	16	3.698	2,4	10	Khu ở hiện trạng	
3 LK - 03	1.469		80	1.175	16	3.526	2,4	9	Khu ở hiện trạng	
Đất biệt thự	9.275	13,06						45		
1 BT - 01	500		60	300	16	900	1,8	2	Khu ở biệt thự	
2 BT - 02	774		60	464	16	1.393	1,8	4	Khu ở biệt thự	
3 BT - 03	3.038		60	1.919	16	5.756	1,8	16	Khu ở biệt thự	
4 BT - 04	385		60	231	16	693	1,8	2	Khu ở biệt thự	
5 BT - 05	2.199		60	1.217	16	3.652	1,8	10	Khu ở biệt thự	
4 BT - 06	2.389		60	1.433	16	4.300	1,8	11	Khu ở biệt thự	
III Đất xây dựng hạ tầng, hạ tầng	7.914	11,15								
1 CK-01	4.432		-	-	-	-	-	-	-	Cây xanh bãi đỗ xe
2 MN-01	3.482		-	-	-	-	-	-	-	Mặt nước cảnh quan
IV Đất dự trữ phát triển	4.980	7,01								
DI-01	2.057									Dự trữ phát triển
DI-02	1.188									Dự trữ phát triển
DI-03	1.474									Dự trữ phát triển
DI-04	341									Dự trữ phát triển
V Đường giao thông - HTKI	22.826	32,15								
1 GTDN	2.274	3,20		-	-	-	-	-	-	Đường giao thông đối ngoại
2 GINB	19.742	27,81		-	-	-	-	-	-	Đường giao nội bộ
3 HTKI	810	1,14		-	-	-	-	-	-	Mương thoát nước
Tổng cộng (H.Tổng - V):	71.000	100,00						162		
2306 300	res/son				res/son					

Stt	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	Chức năng sử dụng đất
	Diện tích nghiên cứu		84.138		
	Giao thông đối ngoại		13.138		
	Diện tích quy hoạch chi tiết		71.000	100,00	
A	Đất công cộng	CC	1.120	1,58	Công trình công cộng
B	Đất ở		34.160	48,11	Khu ở
1	Đất ở hiện trạng	HT	17.893	25,20	Khu ở hiện trạng cải tạo
2	Đất ở liên kết	LK	6.992	9,85	Khu ở liên kết
3	Đất ở biệt thự	BT	9.275	13,06	Khu ở biệt thự
4	Đất dự trữ phát triển	DT	4.980	7,01	Khu dự trữ phát triển
	Cây xanh+bãi đỗ xe, mặt nước	CX, MN	7.914	11,15	Cây xanh+bãi đỗ xe, mặt nước cảnh quan
E	Đất giao thông nội bộ +HTKT	GT, HTKT	22.826	32,15	Đất giao thông +HTKT

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: QĐ - UBND NGÀY: THÁNG: NĂM 2018				2308 450
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TÁNG HUYỆN MỘC CHÂU KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ: BC - KTĐN NGÀY: THÁNG: NĂM 2018				2308 400
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG HUYỆN MỘC CHÂU KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: TTĐ - UBND NGÀY: THÁNG: NĂM 2018				
CƠ QUAN THỎA THUẬN: ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN MỘC CHÂU				
TÊN ĐỒ ÁN: QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ TIỂU KHU 10, THỊ TRẤN MỘC CHÂU, HUYỆN MỘC CHÂU - TỈNH SƠN LA				
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT				
BẢN VẼ: CH- 03	KHÖ GHEP: 1A0	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY:/...../2018	2308 350
THỂ HIỆN	NGUYỄN TRUNG QUÂN			
THIẾT KẾ	NGUYỄN ĐỨC TU			
CHỦ NHIỆM	NGUYỄN XUÂN HOÀN			
Q.L. KỸ THUẬT	LÊ QUANG TÙNG			
GIÁM ĐỐC NGUYỄN VĂN SƠN				2308 300
 CHI NHÁNH TÂY BẮC CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ ĐÁI CHÍ KHU ĐỒ THỊ MÔI - TỎ LỘ, PHÒNG QUYẾT THẮNG - TP SƠN LA ĐT: 0222.8270191 FAX: 0222.8270180 EMAIL: TAYBAC@CBT-DAI.COM				